TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991. CCCD số: 030191021536; cấp ngày 14/8/2021. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng.

**Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990. CCCD số: 030090013849. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, thành phố Hải Phòng.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu T, trên cở sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2011 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, tp Hải Phòng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Anh T là người thường xuyên cờ bạc, rượu chè, sử dụng ma túy không quan tâm đến gia đình vợ con; khi còn chung sống cùng anh T, chị thường xuyên phải trả nợ cờ bạc cho anh T dẫn đến kinh tế gia đình sa sút nên vợ chồng thường hay cãi cọ, lời qua tiếng lại. Nhiều lần anh T còn sử dụng vũ lực với chị, việc mẫu thuẫn vợ chồng thì gia đình hai bên đều biết, chứng kiến và được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm

trọng và thường xuyên hơn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã L sinh sống đến nay. Trong quá trình ly thân, thời gian đầu anh T cũng có tìm chị nói chuyện bảo chị về nhưng vì mâu thuẫn vợ chồng nặng nề nên chị không về, sau đó chị được biết anh T đã ngoại tình nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị và anh T có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 30/9/2013; Nguyễn Ngọc V1, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/4/2018. Từ năm 2019 khi vợ chồng chị sống ly thân thì chị và các con đã về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang làm công nhân may tại Công ty TNHH T4 với mức thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

- *Về tài sản chung, cho vay, nợ chung:* Trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Bị đơn:* Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Ông Nguyễn Hữu T2 (bố đẻ anh Nguyễn Hữu T) khai:* Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T ở cùng vợ chồng ông, vợ chồng anh T có mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được cụ thể, chỉ biết chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2022 và sống ly thân cho đến nay. Sau này ông mới được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình cũng như nuôi dạy con cái dẫn đến cãi cọ nhau. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đó là chuyện của chị P và anh T. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T thì ông đã nhận, gọi điện thoại cho anh T thông báo nội dung; khi anh T về thì ông đã giao tận tay cho anh T các văn bản của Tòa án.

- *Bà Phạm Thị T3 (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị P) khai:* Chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh T là người cờ bạc, vay nợ làm kinh tế gia đình sa sút, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà biết việc anh T nghiện ma túy đá và phải đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục nên chị P và 3 con đã bỏ về nhà tôi sinh sống kể từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, bà không thấy anh T đến tìm chị P để hàn gắn tình cảm, cũng như không chu cấp gì cho các con ăn học, chỉ thấy 1 lần duy nhất anh T gửi vài triệu vào năm 2024 để cho cháu T1 đi học, còn lại không thấy hai bên liên lạc gì với nhau. Nay chị P có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị P.

Các cháu V, V1, T1 và chị P đều đang ở cùng gia đình bà từ năm 2019 cho đến nay; anh T cũng không quan tâm, chu cấp gì cho chị P và các con. Gia đình bà vẫn đảm bảo về chỗ ở cho mẹ con chị P cũng như hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc để các cháu được đi học và phát triển đầy đủ. Nếu chị P ly hôn và được quyền nuôi con thì bà và gia đình vẫn cam đoan tạo điều kiện và hỗ trợ tốt nhất mẹ con chị P.

- *Xác minh mâu thuẫn vợ chồngTrưởng thôn B, xã L cung cấp:* Vợ chồng anh T và chị P là công dân của thôn, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống tại địa phương thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi bời nên không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến cãi cọ nhau. Mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, không chung sống cùng anh T. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- *Xác minh về nơi cư trú của Bị đơn, Công an xã L, thành phố Hải Phòng cung cấp:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990 có đăng ký cứ trú tại: Thôn B, xã L, thành phố Hải Phòng. Hiện anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà để thăm gia đình.

- *Cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 30/9/2013; Nguyễn Ngọc V1, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/4/2018 khai:* Trong quá trình chung sống thì bố mẹ các cháu thường xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại nên các cháu đã cùng mẹ về gia đình ông bà ngoại sinh sống từ cuối năm 2019 cho đến nay. Mẹ các cháu làm đơn ly hôn thì nguyện vọng của cả 03 cháu muốn được ở cùng nhau và xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị P.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P, xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 30/9/2013; Nguyễn Ngọc V1, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/4/2018 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã L, thành phố Hải Phòng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 – thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10/9/2025, Tòa án khu vực 10-thành phố Hải Phòng đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa Bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/3/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị P, anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến sống ly thân kéo dài từ cuối năm 2019 đến nay. Quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì anh T cũng không chấp hành quy định của pháp luật về việc triệu tập cũng như đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tham gia phiên hòa giải, xét xử; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn có ý thức bỏ mặc hôn nhân tan vỡ. Mặt khác, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh T cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm; vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân và chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

[4] *Về con chung:* Chị P và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 30/9/2013; Nguyễn Ngọc V1, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử nhận

thấy: Hiện tại cả 03 con chung đều đang ở cùng chị P, do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ cuối năm 2019 cho đến nay. Các tài liệu, chứng cứ thu thập đều xác định việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được đảm bảo, chị P có công việc và thu nhập ổn định, và được gia đình bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở, tạo điều kiện tốt nhất cho chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nguyện vọng của cả 03 con chung đều muốn được tiếp tục ở cùng nhau và ở với mẹ. Về phía Bị đơn: Trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì anh T không hợp tác, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về ly hôn cũng như không trình bày quan điểm và nguyện vọng về con chung cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện về chỗ ở, công việc, thu nhập... đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cả 03 con chung cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P; xử:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung là: Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 30/9/2013; Nguyễn Ngọc V1, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/4/2018. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 9/2025 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị P về việc không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23; số 0001754 ngày 14/7/2025. Chị Nguyễn Thị P đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**** Nơi nhận:***
- *VKSND khu vực 10.*
- *Thi hành án dân sự khu vực 10.*
- *UBND xã Lai Khê.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa